

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU NỘI BẬT VỀ THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM PHỦ, TỨ PHỦ Ở VÙNG CHÂU THỔ BẮC BỘ HIỆN NAY

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích những nghiên cứu về thực hành thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt từ góc độ: Văn hóa học, Tôn giáo học, giới, trị liệu tâm lý qua hình thức lên đồng. Bên cạnh những hướng nghiên cứu này, tác giả còn chỉ ra những hướng tiếp cận mới thông qua nghiên cứu về cơ cấu, tổ chức hoạt động của các bản hội, trung tâm, viện, câu lạc bộ đã và đang thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ sau khi “Thực hành Tín ngưỡng Thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” được UNESCO ghi danh trở thành Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại ngày 01/12/2016.

Từ khóa: Tín ngưỡng; thờ Mẫu; Bắc Bộ.

Dẫn nhập

Nghiên cứu về thực hành nghi lễ Tam phủ, Tứ phủ hiện nay luôn hấp dẫn các nhà nghiên cứu về lĩnh vực này vì những lý do sau: *Thứ nhất*, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ là dòng chảy của niềm tin và thực hành đã thấm nhuần trong văn hóa của người Việt. Trong quá trình phát triển của mình, tín ngưỡng thờ Mẫu đã tiếp nhận và chịu ảnh hưởng của một số loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác, như: thờ thần tự nhiên, Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Với sự điều chỉnh và tiếp nhận nội dung từ nhiều các tín ngưỡng, tôn giáo khác nên tín ngưỡng thờ Mẫu đã khẳng định được vị trí của mình trong đời sống tâm linh của người Việt nói chung và người Việt vùng Đồng bằng sông Hồng nói riêng. *Thứ hai*, không chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn nhu

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 29/9/2021; Ngày biên tập: 12/10/2021; Duyệt đăng: 11/11/2021.

cầu tâm linh của người Việt, thờ Mẫu nói riêng, tôn giáo của người Việt vùng Đồng bằng sông Hồng nói chung còn trở thành một bộ phận, một yếu tố không thể thiếu để tạo nên bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Việt. Thứ ba, tín ngưỡng thờ Mẫu đã phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa không chỉ của người Việt mà còn của nhiều dân tộc thiểu số khác hiện đang sinh sống trên đất nước Việt Nam. Không những vậy, thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ còn góp phần bảo lưu và phát triển những giá trị truyền thống và đạo lý tốt đẹp của người Việt, như: đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”; truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm; truyền thống nhân văn, thủy chung;... Đồng thời, tín ngưỡng thờ Mẫu cũng góp phần tăng cường ý thức liên kết cộng đồng cũng như có vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo truyền thống của người Việt nói chung, người Việt vùng châu thổ Bắc Bộ nói riêng. Điều này đã được phản ánh không chỉ trong lịch sử mà còn biểu hiện rõ nét ở xã hội hiện tại.

Trong nhiều năm qua, chủ đề tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở vùng châu thổ Bắc Bộ thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhiều công trình từ nhiều góc nhìn khác nhau đã được công bố. Đã đến lúc cần nhìn lại, tổng kết những nghiên cứu có đóng góp nổi bật, nhằm định hình và cập nhật nhận thức khoa học về truyền thống tín ngưỡng mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam này.

1. Các nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ từ tiếp cận Văn hóa học và Tôn giáo học

Người đặt những viên gạch đầu tiên trong lĩnh vực nghiên cứu này là cố GS. Ngô Đức Thịnh. Ông đã có công rất lớn trong việc sưu tầm, nghiên cứu để cho ra đời những tư liệu quý về tín ngưỡng này. Công trình đầu tiên của ông là cuốn *Hát văn*¹. Cuốn sách đã tập trung đề cập đến một số vấn đề cơ bản của tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung và nghi lễ hầu đồng nói riêng. Trong đó, tác giả chủ yếu nghiên cứu các nghi thức hát văn và lên đồng ở các vùng miền của đất nước. Qua đó, tác giả cũng chỉ ra những giá trị nghệ thuật, tín ngưỡng tâm linh của hát văn đối với đời sống tinh thần của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu. Ngoài những đánh giá, phân tích chặt chẽ về hát văn, tác giả đã sưu tầm bài bản về nội dung ca từ của các loại hình hát văn. Đặc biệt,

cuốn sách không chỉ cung cấp cho độc giả hiểu được lời ca của những điệu hát văn, mà còn giúp người đọc hiểu sâu sắc về nội dung tư tưởng, nguồn gốc lịch sử của các thần linh trong hệ thống và giá trị nghệ thuật nhân văn.

Trong cuốn *Đạo Mẫu Việt Nam (2 tập)*², GS. Ngô Đức Thịnh chủ yếu trình bày hệ thống thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Công trình đi sâu vào nghiên cứu ba dạng thức thờ Mẫu tiêu biểu ở các địa phương từ Bắc Bộ, tới Trung Bộ và Nam Bộ. Ở mỗi vùng, cuốn sách trập trung làm rõ các vị Mẫu tiêu biểu, như: Thánh Mẫu Liễu Hạnh - thần chủ của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Bắc Bộ, Thiên Ya Na, Po Inur Nugar ở Trung Bộ và Bà Chúa Xứ, Bà Đen, Thiên Hậu... ở Nam Bộ. Hai tập sách đã xây dựng hệ thống thờ Mẫu ở ba cấp độ: Thờ nữ thần, Mẫu thần và Mẫu Tam phủ, Tứ phủ, sự tác động và chuyển hóa giữa chúng; khái quát ba dạng thức thờ Mẫu đầu tiên ở Bắc, Trung, Nam với các đặc trưng địa phương; nghiên cứu các vị Thánh mẫu tiêu biểu ở các vùng miền từ Bắc Bộ đến Nam Bộ.

Công trình *Lên đồng - hành trình của thần linh và thân phận*³ có cái nhìn về sự hình thành Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ từ cơ sở của tín ngưỡng Mẫu thần dân gian, với những ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Quốc mà hình thành nên Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ (Tam Tòa Thánh Mẫu), mà tác giả Ngô Đức Thịnh coi là một nét đặc thù của Đạo giáo Việt Nam và ông coi nó chính là “Đạo Mẫu”. Ngoài ra, ông còn phác họa những tình tiết của hiện tượng lên đồng là sự nhập hồn nhiều lần của thần linh Tứ phủ vào thân xác của các Ông đồng, Bà đồng, trị bệnh, cầu sức khỏe, tài lộc may mắn. Lên đồng là nghi lễ đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt. Nghi lễ này mang trong nó một chất liệu của Shaman giáo, một loại hình tín ngưỡng khá phổ biến trong nhiều dân tộc ở nước ta cũng như trên thế giới, mà điển hình là các dân tộc ở vùng thảo nguyên châu Á và Siberia⁴. Ngoài ra, cuốn sách không chỉ nhận diện bản chất lên đồng mà còn có những tìm hiểu về khía cạnh tâm sinh lý và trị liệu của lên đồng, hiện tượng cơ đầy của tín đồ thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, cũng như vấn đề ái nam, ái nữ trong quan hệ đồng giới. Khía cạnh kinh tế, xã hội của lên đồng đặt ra từ góc độ tiếp cận giới và cuối cùng

là sự giải phóng khát vọng của phụ nữ trong xã hội cổ truyền và hiện đại. Đây là công trình nghiên cứu bài bản và công phu về nghi thức lên đồng gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Việt Nam trong sự đối sánh với các nghi thức lên đồng của các tộc người thiểu số khác. Qua đây, tác giả cuốn sách đã tái hiện cho độc giả biết về một bức tranh sinh động đề cập đến thân phận những thanh đồng... trong nghi thức thờ Mẫu Tứ phủ. Nghiên cứu này cũng cho thấy những góc cạnh trong vấn đề trị liệu, sự tác động tâm lý của những thanh đồng. Từ đó, tác giả cho rằng, hầu đồng về phương diện tâm sinh lý là việc tự đưa cơ thể vào trạng thái ngất ngậy (mà tâm lý học gọi là trạng thái Ecstasy), giống kiểu tôn giáo ngất ngậy rất phổ biến ở thế giới đa đảo, mà trong tác phẩm của Maurice Durand cũng đã nhắc tới trong một xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1959 về lên đồng ở Việt Nam⁵. Mặc dù cũng được dẫn qua nhiều tư liệu của Nhất Lang (Trọng Lang), cộng với chứng kiến một số buổi lên đồng ở Hà Nội (đền Vũ Thạch) và Tuyên Quang (đền Giùm), tuy không đưa ra nhận định rõ ràng, nhưng qua những gì ông viết cho thấy ông nghiêng về giả thuyết lên đồng có mối liên hệ với Shaman giáo, đây là nhận định của một tác giả nước ngoài có cái nhìn và đánh giá về lên đồng tại Việt Nam.

Cuốn sách *Tục thờ Đức Mẫu Liễu - Đức Thánh Trần*⁶ đã làm rõ sự phát triển từ nguyên lý “Mẹ” của văn hóa Việt Nam đến tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ. Trên cơ sở đó, cuốn sách tập trung vào việc phân tích và chỉ ra vị trí của Mẫu Liễu Hạnh trong đời sống tín ngưỡng Việt Nam nói chung, tín ngưỡng Tam phủ, Tứ phủ nói riêng thông qua các nguồn thư tịch cổ về Bà trong dân gian. Cuốn sách cũng trình bày các nghi lễ trong việc thờ phụng Mẫu Liễu ở một số đền phủ tiêu biểu, như: phủ Dầy, phủ Tây Hồ, đền Bắc Lệ... Ngoài ra, tác giả cũng trình bày khái lược về thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trong lịch sử Việt Nam, sự hiển thánh của Ngài trong tâm thức dân gian cũng như hệ thống thần linh, lễ hội Đức Thánh Trần diễn ra ở đền Kiếp Bạc.

Bài viết *Đạo mẫu là gì?*⁷ của tác giả Quốc Bảo đã tập trung làm rõ nguồn gốc và sự hình thành của đạo Mẫu. Trong bài viết, tác giả cho rằng, đạo Mẫu không phải là một hình thức tín ngưỡng đồng nhất, mà nó là một hệ thống các tín ngưỡng, bao gồm ba lớp khác nhau, nhưng

có mối quan hệ hữu cơ và chi phối lẫn nhau, đó là lớp thờ nữ thần, lớp thờ mẫu thần và lớp thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Ngoài ra, công trình này khẳng định đạo Mẫu mang tính bản địa, nội sinh, thể hiện ở lớp thờ nữ thần, mẫu thần, còn lớp Mẫu Tam phủ, Tứ phủ hình thành trên cơ sở lớp tín ngưỡng thờ nữ thần và mẫu thần kết hợp với tiếp thu những ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Hoa.

Công trình *Nghi lễ thờ Mẫu và văn hóa và tập tục*⁸ nghiên cứu tương đối tổng hợp về đạo Mẫu ở Việt Nam nói chung: từ đặc trưng, bản chất, nguồn gốc của các mẫu thần, các nghi lễ thờ cúng, diễn xướng... đến các vị thần linh gắn liền với không gian di tích, lễ hội gắn với tục thờ... Trong đó, lễ hội thờ Mẫu nói chung và Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Dầy nói riêng được tác giả đề cập đến với những thông tin cơ bản. Các tác giả cuốn sách đã tập trung tổng hợp tương đối đầy đủ những không gian, di tích, lễ hội cơ bản gắn liền đạo Mẫu, qua đó, cuốn sách giúp cho người đọc kết nối, so sánh, đối chiếu các thánh Mẫu và lễ hội giữa các miền của dân tộc trong hệ thống thờ Mẫu và tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Cũng giống như các công trình nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ, các tác giả khẳng định Mẫu Liễu Hạnh có vị trí trung tâm, quan trọng nhất trong hệ thống thờ Mẫu ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Luận án tiến sĩ Triết học *Khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng*⁹ đã khái lược lịch sử phát triển, diện thờ và một số nghi lễ cơ bản của tín ngưỡng thờ Mẫu người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ, như: lễ tôn nhang, hầu đồng. Đồng thời, luận án khái quát những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ Mẫu người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ qua quan niệm về con người, tự nhiên, về mối quan hệ giữa con người với xã hội và tự nhiên trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tác giả khẳng định rằng, tín ngưỡng thờ Mẫu quan niệm con người gồm hai phần: thể xác và linh hồn, khi chết đi linh hồn sẽ chuyển sang một thế giới khác và vẫn ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của những người đang sống. Ngoài ra, luận án cũng chỉ ra được những xu hướng vận động hiện nay của tín ngưỡng người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ, như: Xu hướng hiện đại hóa trong việc thực hiện

ngghi lễ thờ cúng của tín ngưỡng thờ Mẫu; xu hướng trở thành một dạng dịch vụ tâm linh; sự gia tăng hiện tượng mê tín dị đoan trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

Có thể thấy những nghiên cứu về tín ngưỡng thực hành thờ Mẫu đã chỉ ra những vấn đề về bản chất, biểu hiện, đặc trưng của loại hình tôn giáo dân gian và bản địa này, mang lại những tri thức rất giá trị, từ đó tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng đến mọi công trình khác nghiên cứu về chủ đề này.

2. Những nghiên cứu về nghi lễ lên đồng của tín ngưỡng Tam phủ, Tứ phủ từ tiếp cận giới về giới và trị liệu tâm lý

Cuốn sách *Quyền lực mềm của người phụ nữ trong văn hóa Đạo Mẫu*¹⁰ là công trình đầu tiên tiếp cận tín ngưỡng thờ Mẫu ở khía cạnh là quyền lực mềm của người phụ nữ trong văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu và bước đầu đã đưa ra khái niệm “quyền lực mềm”. Tác giả cho rằng, tín ngưỡng thờ Mẫu đã biểu tượng hóa quyền lực đặc trưng của người phụ nữ Việt Nam trong thực tại như nó vốn có từ trong truyền thống đến thế kỷ XVI; Đạo Mẫu đã trao quyền lực và cách thức sử dụng quyền lực cho người phụ nữ, một thứ quyền lực mới, quyền lực tinh thần mà tác giả gọi là *quyền lực mềm*. Về bản chất, quyền lực của người phụ nữ trong tín ngưỡng thờ Mẫu là quyền lực tinh thần, quyền lực đạo đức có khả năng tác động, chi phối và điều tiết trật tự xã hội thông qua những cá nhân xã hội, chuyển hóa thành ý chí, nghị lực niềm tin. Tự nó sẽ tạo ra một sức mạnh vật chất vô cùng to lớn mạnh mẽ. Đó là quyền lực ngoài quyền lực, có dáng vẻ vô hình, được biểu tượng hóa trong các cá nhân thánh Mẫu và “con cái nhà Mẫu” nhưng lại có giá trị thực tiễn to lớn đối với xã hội. Xét trên phương diện tổ chức, hệ thống đền, điện, phủ Mẫu rộng khắp biểu hiện ý thức dân gian tiến lên một bước mở rộng và tạo dựng môi trường phát huy quyền lực giới nữ, công khai và hợp lòng người.

Cách chọn lựa không gian đặt điện Mẫu và trang trí điện Mẫu tự nó đã hàm ẩn và toát lên một thứ quyền lực mang tính nữ. Xét trên phương diện hệ tư tưởng và chức năng xã hội tín ngưỡng thờ Mẫu, người phụ nữ Việt Nam đã thể hiện quyền lực của giới mình bằng cách liên kết mọi thể mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần mà họ có

được từ lối sống theo nguyên lý mẹ để tạo thành một nguồn lực mới, thông qua các hành động tâm linh (múa thiêng, hát văn, hầu bóng...). Nghi thức đặc biệt của tín ngưỡng thờ Mẫu: (tôn nhang, hầu bóng, hát văn đều do người nữ nắm giữ, điều hành, thể hiện) vừa thể hiện sức sống dồi dào của người phụ nữ trong chiều sâu tâm thức, vừa thể hiện quyền năng tinh thần của người phụ nữ trong chiều cao lòng Mẹ, vừa thể hiện khát vọng quyền lực có thật của người phụ nữ giữa đời thường. Cuốn sách không chỉ là sự ghi chép, miêu tả hay trình bày thông thường mà nằm ở khung lý thuyết khoa học rất mới nhưng đầy thuyết phục đó là quyền lực mềm. Tác giả cuốn sách qua nhiều năm nghiên cứu đã phát hiện những người phụ nữ trong văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu có dạng thức quyền lực mềm, đó là năng lực sử dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt những giá trị văn hóa truyền thống, giá trị tín ngưỡng để đạt trạng thái cân bằng trong cuộc sống, hiện thực hóa bản sắc cá nhân, đạt đến cái tôi cá nhân và được sống đúng với chính mình. Quyền lực mềm ở đây mang tính rộng, sâu và có tính chất công cụ và cũng là đối tượng nghiên cứu. Quyền lực mềm có thể áp dụng trong nghiên cứu toàn bộ tín ngưỡng thờ Mẫu, có thể giải mã và cắt nghĩa những vấn đề đời sống tâm linh và đời sống hiện thực của người phụ nữ trong quan hệ giữa cá nhân và tín ngưỡng. Trong nghiên cứu này, tác giả đã đi sâu phân tích vai trò tình cảm tín ngưỡng trong mối quan hệ giữa cá nhân và tín ngưỡng, gắn tín ngưỡng thờ Mẫu với thân phận những người thực hành tín ngưỡng để tiếp cận vấn đề cá nhân con người trong đời sống đương đại.

Công trình *Nghi lễ lên đồng, lịch sử và giá trị*¹¹ cho người đọc nhận diện được toàn bộ hệ thống những quan điểm nghiên cứu và quan điểm xã hội về lên đồng hầu bóng, đồng thời, tác giả đã khảo sát thực tế và dựng lại diện mạo các hình thức lên đồng ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay. Trong đó, tác giả đã làm sáng tỏ những thay đổi của nghi lễ hầu đồng từ thay đổi về nội dung đến hình thức tiến hành như khi lên đồng, sự hiện diện của các vị thần linh ngày nay được thể hiện qua trang phục là chủ yếu; Ngoài ra, tác giả còn nhận xét: nghi lễ lên đồng, hầu bóng từ sau khi Đổi mới đến nay có sự tác động rất lớn từ nền kinh tế thị trường, nó ảnh hưởng mạnh mẽ đến nghi lễ, con người thực hành nghi lễ lên đồng được tổ chức to hơn ngày xưa,... Đặc biệt, tác giả đã đi sâu

ngiên cứu và đưa ra nhận xét và lý giải về hiện tượng lên đồng không đơn giản chỉ là nghi thức tín ngưỡng mà còn lý giải đời sống tâm lý cá nhân của thanh đồng: trình đồng để tìm kiếm vận may trong làm ăn buôn bán; trình đồng cũng là một “căn duyên” với nhóm đồng tính; trình đồng có thể hóa giải những căn số mà chúng ta vẫn thường hay gọi “căn cao, số dày” những người có hoàn cảnh éo le trong cuộc sống, ngoài ra trình đồng còn được ví như một phương thức chữa bệnh đối với những người có biểu hiện tâm - sinh lý đặc thù giúp các con nhang đệ tử mắc một số bệnh tâm lý mà y học hiện đại gọi là “rối loạn cảm xúc”, thông qua lên đồng để trị liệu có thể điều chỉnh trạng thái tâm lý mà hồi tỉnh trở về những trạng thái thông thường. Tác giả còn chỉ ra rằng, với những trường hợp cá biệt ở những căn đồng có trường năng lượng tâm linh có thể tự giải phóng năng lượng tiềm ẩn cho chính mình thông qua nghi lễ lên đồng vươn tới cái bản ngã tâm linh. Ngoài ra, cuốn sách còn cho người đọc nhận diện được sự chuyển đổi nhận thức về tâm linh của các thanh đồng hiện nay và mối quan hệ của những thanh đồng trong một bản hội. Nhưng bên cạnh đó còn có những hệ lụy của nó liên quan đến một số đồng thầy, cũng như những nghi lễ thực hành lên đồng có những biểu hiện tâm lý cuồng tín.

Công trình *Bản hội trong Đạo Mẫu tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*¹² cung cấp cái nhìn từ bên trong không gian của những người thực hành nghi lễ thờ Mẫu mà người ta hay gọi là “Bản hội”. Bản hội thường gắn với một điện thờ nào đó, là không gian sinh hoạt của những thanh đồng, trong đó đồng thầy là người có quyền lực tối thượng, dưới đồng thầy sẽ có các đồng trưởng giúp việc cho đồng thầy dẫn dắt các thanh đồng trong sinh hoạt thực hành nghi lễ lên đồng. Trong những năm trở lại đây, sự phục hồi của tín ngưỡng thờ Mẫu cũng kéo theo những bản hội ngày càng có quy mô lớn hơn, cần có một “bộ máy” trợ giúp. Vấn đề này cũng phụ thuộc vào năng lực của đồng thầy, nếu năng lực tổ chức tốt sẽ hình thành nên một cơ cấu bản hội vững chắc, hiệu quả; ngược lại, nếu năng lực tổ chức kém, bản hội sẽ “không vượt qua được”. Qua nghiên cứu này, tác giả đưa ra những nhận xét: *thứ nhất*, bản hội thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là một cộng đồng tôn giáo; *thứ hai*, Bản hội thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu mang một màu sắc tâm linh đậm màu sắc kinh tế; *thứ ba*, Bản

hội thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là môi trường tâm linh trao quyền lực và thể hiện quyền lực của “Những kẻ bị loại trừ”; *thứ tư*, Bản hội thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là nơi liên kết các thành viên trong bản hội với nhau, tạo lập vốn xã hội trong phát triển kinh tế, giáo dục và xã hội cũng như tạo lập vốn xã hội của các thành viên trong tổ chức bản hội “môi trường tâm linh”.

Từ góc độ tâm lý bệnh học, y học, có nhiều tác giả, như: Nguyễn Kim Hiền, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Thị Hiền... đã lý luận rằng đạo mẫu và nghi lễ hầu đồng chính là một “phương thuốc” có tác dụng trị liệu tâm sinh lý. Trong luận văn y học, chuyên ngành tâm thần học: *Nhận xét đặc điểm biến đổi ý thức của trạng thái lên đồng ở các lễ hội vùng Nam Định*¹³ đã phân loại lên đồng trên phương diện tâm thần học theo bốn quan điểm khác nhau: 1) Trạng thái thôi miên, 2) Trạng thái phân ly, 3) Trạng thái phân ly nếu xuất hiện ngoài lễ hội (bảng phân loại ICD10 và DSM IV), 4) Một trong những trạng thái biến đổi ý thức đặc biệt do ám thị và tự ám thị gây ra. Dựa trên bảng phân loại tâm thần học ICD10 và DSM IV, Trần Mạnh Cường đã thực nghiệm khảo sát trên 10 người hầu đồng tại khu vực Phủ Dầy và rút ra một kết luận: lên đồng lễ hội vùng Nam Định là một trạng thái biến đổi ý thức do nhân tố ám thị và tự ám thị gây ra. Nhân tố ám thị mạnh nhất và sâu sắc nhất là lòng tin truyền thống của người hầu đồng cũng như gia đình và những người xung quanh vào sự tồn tại của thần linh và khả năng tiếp xúc giữa người trần với thần linh qua thân thể của người hầu đồng. Từ phương diện y học, Trần Mạnh Cường cho rằng lên đồng không phải là một trạng thái bệnh lý mà là một trạng thái tâm lý đặc biệt, chứa đựng một tiềm năng trị liệu.

Từ việc phân tích cơ chế trị liệu, đặc điểm trị liệu trong lên đồng, tác động của âm nhạc và biểu tượng trong trị liệu, bài viết “Lên đồng ở Việt Nam - một sinh hoạt văn hóa tâm linh mang tính trị liệu”¹⁴ đã nhận định rằng: Tục lên đồng tham gia vào việc điều chỉnh những bất ổn tinh thần của một số người theo cách riêng của mình, tái hòa nhập những người có độ rối nhiễu cao vào các sinh hoạt tập thể mang tính tín ngưỡng, tôn giáo nhằm mang lại ý nghĩa cơ bản cho cuộc sống của họ. Nhìn chung, hiệu quả trị liệu nổi bật của lên đồng có thể nói là dựa

trên sự kết hợp gắn bó của các phương tiện trị liệu mang tính tâm thể với các phương tiện trị liệu mang tính tâm lý xã hội làm nên tác dụng trị liệu tổng hợp của hiện tượng lên đồng. Lên đồng không phải là một trị liệu hướng đến sự hoàn thiện tuyệt đối, nhưng có thể nói đó là một cách nhận thức lại về một tọa độ lịch sử - xã hội và văn hóa của một cá nhân và cộng đồng và nhờ đó mà cá nhân đó, thông qua những biểu tượng tâm linh, có điều kiện xác định được vai trò xã hội của mình, làm thức tỉnh và cảm nghiệm thấy ở mình một năng lực sống mới, mạnh mẽ và có ý nghĩa hơn trước trong một cộng đồng ít nhiều sự chia sẻ những cảnh ngộ với mình.

Bài viết “Bệnh âm: chẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt”¹⁵ đã tập trung nghiên cứu về “bệnh âm”, cách chẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt. Bài viết miêu tả bệnh âm, một chứng bệnh mà theo tín ngưỡng dân gian một số người Việt mắc phải, họ tìm đến các thanh đồng để chữa trị. Trong bài viết, tác giả đã tìm hiểu bệnh âm trong bối cảnh tôn giáo, văn hóa khi những tín đồ thờ Mẫu có triệu chứng bệnh mà nguyên nhân mang tính tâm linh như phạm thượng, phạm tội tổ tông, không thờ người quá cố đúng ngày giỗ, có căn số phải hành nghề tôn giáo, hoặc bị ma nhập. Bài viết dựa vào cách lý giải và chữa bệnh âm thông qua niềm tin, lời giải thích theo sự hiểu biết của một cô đồng tên Nga với tư cách là một thầy đồng, là người bị bắt sát, bị hành, bị ốm đau phải mở phủ trình đồng và hành nghề lên đồng. Tác giả bài viết cũng miêu tả chi tiết cách thức chữa bệnh của một thanh đồng, hình thức chữa bệnh âm rất đa dạng, có thể do thầy cúng hay đồng làm lễ. Có những lễ lên đồng là nghi lễ chữa bệnh, có những nghi lễ vừa chữa bệnh đồng thời là lễ mở phủ. Những người được thánh chọn, bị hành, bị bắt sát tức có căn số phải ra đồng thì làm lễ mở phủ. Còn một số người bị ma nhập, hay bị bệnh âm do những nguyên nhân khác, thì thầy cúng hay đồng thầy làm lễ trừ tà, cúng bái mát mẻ, sau đó mới làm lễ mở phủ để trở thành con nhà thánh với hy vọng có sự che chở của nhà thánh.

Trong bài viết “Khả năng đặc biệt của thanh đồng Đạo Mẫu và tác động tới cộng đồng”¹⁶ in trong *Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người 20 năm hoạt động khoa học và triển khai ứng dụng (1998- 2018)*,

tác giả đưa ra những nhận định rằng, hiện nay đội ngũ thanh đồng rất đông và trong số họ có những người có khả năng đặc biệt, khả năng này rất đa dạng. Người thì chữa bệnh không dùng thuốc, người thì xem bói dự đoán tương lai, có người gọi hồn trừ tà, có người thì có khả năng đặc biệt bộc lộ ở giao tiếp.... Cùng có chung nhận định, các nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Kim Hiền, Nguyễn Thị Hiền và Nguyễn Ngọc Mai đều cho rằng, phần lớn những người ra “trình đồng, mở phủ” đều trải qua những biến cố bất thường về sức khỏe, về tinh thần, về tài chính... Số đông họ có trạng thái tâm lý bị khủng hoảng trường diễn hoặc trầm cảm kéo dài do bế tắc trong cuộc sống. Từ góc độ ảnh hưởng tâm sinh lý cá nhân, các tác giả còn chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên đồng (hầu bóng), như: Không gian, mùi hương, trang phục, âm nhạc, vũ đạo, ánh sáng, môi trường xung quanh đều có tác động mạnh đến tâm lý của người lên đồng. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra yếu tố tâm lý xã hội thông qua những yếu tố: Giao tiếp khi hầu đồng, yếu tố gắn kết các mối quan hệ xã hội, những quan hệ giữa thanh đồng với những người xung quanh theo năm cấp độ khác nhau, thông qua quá trình giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, có sự cộng cảm về mặt cảm xúc (cảm xúc cộng hưởng với sự hưng phấn) mà trong tâm lý học gọi là *dòng chảy cảm xúc*. Những nhận xét trên cho thấy thanh đồng có khả năng tâm lý đặc biệt có thể “giao tiếp với thế giới tâm linh, thần thánh”, nhưng cũng cho thấy một hướng tiếp cận mới dựa trên những cơ sở lý luận cơ bản của tâm lý học để phân tích và luận giải một số hiện tượng điển hình thông qua hình thức lên đồng.

Như vậy, có thể thấy, từ góc độ Tâm lý học, Tâm bệnh học, Y học... các nhà nghiên cứu đã chỉ ra một trong những tác dụng của nghi lễ hầu đồng đối với những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu là tác dụng trị liệu và chữa bệnh (những bệnh âm và những bệnh về rối loạn tâm sinh lý).

Nghi lễ hầu đồng và tâm lý của những người thực hành thờ Mẫu đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Một số công trình tiêu biểu nghiên cứu vấn đề này như sau. Bài viết “Tìm kiếm an toàn tinh thần trong xã hội Việt Nam đương đại¹⁷” đã tập trung trình bày việc thực hành giao tiếp với linh hồn qua trung gian ở

Việt Nam hiện nay. Hiện tượng lên đồng nhằm tìm kiếm sự an toàn và tự do cho bản thân các thanh đồng. Tác giả bài viết cũng khẳng định lên đồng (hầu đồng) là một hình thức chữa bệnh cả về thể chất và tinh thần. Nhiều người thực hiện nghi lễ hầu đồng là vì mục tiêu chữa bệnh cho bản thân và các thành viên trong gia đình, đây là hình thức để ngăn chặn những linh hồn của người đã mất đang cố gắng nhập vào thân xác của người thờ Mẫu. Theo quan niệm của tác giả, hầu đồng là một biện pháp tâm lý, tiến hành nghi lễ hầu đồng để ổn định tâm lý.

Bài viết “Làm lính có công, làm đồng có phép”: Câu chuyện tạo lập quyền lực về phép thuật trong tín ngưỡng thờ Mẫu của các đồng thầy ở Việt Nam”¹⁸ tập trung vào những điều kiện để các đồng thầy tạo lập thế giới quyền lực về phép thuật và cách thức vận hành phép thuật của họ trong cuộc sống. Bài viết tiếp cận dưới góc độ Nhân học về tôn giáo để tìm hiểu việc vận hành phép thuật của đồng thầy và tìm nguyên nhân của hiện tượng “ghen đồng, ghen bóng” của các đồng thầy với nhau. Tác giả nhận xét rằng, để có thế giới quyền lực về phép thuật trong tay cũng như việc tạo lập được các mối quan hệ xã hội trong và ngoài bản hội, các đồng thầy phải hội tụ đủ 5 điều kiện: *thứ nhất*, người có “căn số”. Các chức nghiệp thực hành tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc Việt Nam nói chung và của các đồng thầy người Việt nói riêng đều là những người có “căn số”. “Căn số” là tên gọi thuần túy của những người trong giới tín và theo tín ngưỡng thờ Mẫu nói về một người nào đó có căn mệnh phải thường xuyên đi đến các đền, phủ, điện, chùa lễ Phật, lễ thánh vào cách ngày sóc - vọng hay phải ra trình đồng, mở phủ, lập điện làm đồng thầy; *thứ hai*, xuất thân trong gia đình, dòng họ có người làm đồng thầy. Tác giả bài viết qua khảo sát điền dã dân tộc học tại các tỉnh miền Bắc nước ta đã phát hiện hầu hết các đồng thầy đều xuất thân trong gia đình, dòng họ có người làm đồng thầy hay thầy cúng, pháp sư; *thứ ba*, điện thờ: đa phần, với chức danh là đồng thầy thì họ đều lập điện thờ tư gia hay trông coi, phụng sự tại một ngôi đền, hay phủ nào đó của cộng đồng. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, phong tục tập quán và chính sách của Nhà nước về tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở mỗi địa phương mà điện thờ của các đồng thầy có thể tạc tượng hay chỉ bốc bát hương để phụng sự

thánh Mẫu; *thứ tư*, thông thạo chữ Hán và thực hành nghi lễ; *thứ năm*, đồng thầy phải trải qua nghi lễ nhập đạo và cấp sắc đồng.

Như vậy, các nghiên cứu nói trên đều đã đề cập đến nghi lễ hầu đồng nhưng chủ yếu đi vào nghiên cứu quá trình hình thành của nghi lễ hầu đồng và sự thay đổi của nghi lễ hầu đồng qua thời gian. Một số nghiên cứu cũng đề cập đến yếu tố tâm lý của người thờ Mẫu thông qua nghi lễ hầu đồng nhưng còn sơ sài, chưa làm rõ được việc trị liệu tâm lý của lên đồng có phải là một phương thức chữa bệnh tuyệt đối cho người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ hay không.

Nhận xét chung

Qua khảo cứu các công trình khoa học nghiên cứu về thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ, bước đầu có thể đưa ra một số nhận xét như sau.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã đề cập, phân tích làm rõ sự hình thành và phát triển của Tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam, vai trò của thờ Mẫu đối với cuộc sống của con người, đặc biệt là đối với cuộc sống của những người thực hành thờ Mẫu. Các công trình đều thống nhất những người thực hành thờ Mẫu tồn tại ở cả ba miền: Bắc, Trung, Nam với những Thánh Mẫu tiêu biểu, như: Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Dầy, Nam Định; thờ Tứ vị Thánh nương, Mẫu Bà Ngũ hành hoặc thờ Thánh mẫu Thiên Y A Na ở Trung Bộ; thờ Mẫu thần, như: Bà Chúa Xứ, Bà Đen, Bà Chúa Ngọc ở Nam Bộ.

Thứ hai, các công trình cũng nghiên cứu sâu về nghi lễ lên đồng. Khi nghiên cứu về nghi lễ lên đồng, các tác giả đều thống nhất đây là nghi lễ quan trọng nhất của những người thực hành thờ Mẫu, ra đời và phát triển cùng với sự song hành của dòng chảy văn hóa của dân tộc. Một số công trình khẳng định nghi lễ hầu đồng là nghi lễ không thể thiếu trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Đây là nghi thức giao tiếp với thần linh thông qua các thanh đồng.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu của tác giả Ngô Đức Thịnh và Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Ngọc Mai đều lý giải nguyên nhân ra trình đồng đều có nguồn gốc từ tâm lý. Những người có căn số ra trình đồng không phải là những người mắc một thứ bệnh lý mà chẳng

qua là do sự dồn nén nào đó tạo nên sự rối loạn về tâm thần và từ đó dẫn đến những lệch chuẩn trong hành vi.

Thứ tư, đặc biệt, một số công trình đã tiếp cận nghiên cứu, giải thích nghi lễ hầu đồng thông qua trị liệu bằng tâm lý bệnh học, nhưng cũng chưa đi sâu lý giải được tình cảm, cảm xúc tôn giáo của từng cá nhân thanh đồng. Đây là cơ sở để các nghiên cứu tiếp theo tiến hành nghiên cứu nghi lễ lên đồng ở phương diện sâu hơn về tâm lý của các thanh đồng thông qua phương diện lên đồng, quá trình biến đổi tâm lý của người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu.

Kết luận

Nghiên cứu về giới, những định kiến về giới trong cộng đồng những người thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập, nhưng chưa đi sâu về mặt tâm lý, đặc biệt là tâm lý của từng thanh đồng thì chưa chỉ rõ, đây có thể là một hướng đi mới trong nghiên cứu về thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng châu thổ Bắc Bộ hiện nay. Bên cạnh đó, nghiên cứu về tâm lý của những người thuộc giới thứ ba “Đồng cô, Bóng cậu” trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng châu thổ Bắc Bộ cũng là một hướng nghiên cứu cần quan tâm từ góc độ tâm lý học tôn giáo.

Trong những năm tới, hướng tập trung đi sâu nghiên cứu về tâm lý của thanh đồng, những vấn đề trị liệu tâm lý thông qua lên đồng và mối quan hệ của thanh đồng với những người trong bản hội để tìm hiểu rõ hơn về tâm lý của những thanh đồng khi họ tham gia lên đồng sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với nghi lễ họ thực hành, tới bản hội mà họ tham gia, trong đó vai trò đồng thầy là một yếu tố chủ đạo là những hướng nghiên cứu có thể triển khai.

Hiện nay, những nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của Bản hội cũng đã được trình bày trong một số công trình nghiên cứu, nhưng từ sau ngày 01/12/2016 khi Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ được tổ chức UNESCO ghi danh thì ngoài Bản hội truyền thống còn hình thành nên các trung tâm, viện, câu lạc bộ hoạt động trong lĩnh vực thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Do vậy, những năm tới ngoài hướng nghiên cứu tâm lý thanh đồng, hướng tìm hiểu cơ cấu tổ chức

của bản hội, các trung tâm, viện, câu lạc bộ đang thực hành nghi lễ thờ Mẫu để tìm hiểu sâu hơn về cơ cấu tổ chức cũng như những hoạt động đang diễn ra trong các tổ chức này cũng cần được chú ý./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ngô Đức Thịnh (1992), *Hát văn*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- 2 Ngô Đức Thịnh (1996, 2001, 2006, 2009, 2010 và 2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, tập 1 và 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 3 Ngô Đức Thịnh (2010), *Lên đồng hành trình của thân linh và thân phận*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- 4 Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 5 Maurice Durand (1959), *Technique et panthéon des médiums vietnamiens*, École française d'Extrême-Orient.
- 6 Vũ Ngọc Khánh (2008), *Tục thờ Đức Mẫu Liễu - Đức Thánh Trần*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- 7 Quốc Báo (24/10/2017), *Đạo Mẫu là gì?*, tạp chí *Thế giới di sản* phiên bản điện tử.
- 8 Ngô Bạch (2010), *Nghi lễ thờ Mẫu và văn hóa tập tục*, Nxb. Thời đại, Tp. Hồ Chí Minh.
- 9 Nguyễn Hữu Thụ (2013), *Khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- 10 Vũ Thị Tú Anh, (2016), *Quyền lực mềm của phụ nữ trong văn hóa Đạo Mẫu*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 172.
- 11 Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng, lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
- 12 Mai Thị Hạnh (2018), *Bản hội trong Đạo Mẫu tạo lập vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 13 Trần Mạnh Cường (1999), *Nhận xét đặc điểm biến đổi ý thức của trạng thái lên đồng ở các lễ hội vùng Nam Định*, luận văn thạc sỹ y học chuyên ngành tâm thần học, Trường đại học Y Hà Nội, tr. 41.
- 14 Nguyễn Kim Hiền (2004), *Lên đồng ở Việt Nam một nét sinh hoạt văn hóa tâm linh mang tính trị liệu*, in trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 374-375
- 15 Nguyễn Thị Hiền (2010), “Bệnh âm: chẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt”, in trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- 16 Nguyễn Thị Hồng Nga (2019), “Khả năng đặc biệt của thanh đồng Đạo Mẫu và tác động tới cộng đồng”, in trong *Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con*

người 20 năm hoạt động khoa học và triển khai ứng dụng (1998- 2018), Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 409-425.

- 17 Oscar Salemink là giáo sư Nhân học xã hội và là Trưởng khoa Nhân học Văn hóa và Xã hội tại Universitei Amsterdam, Hà Lan, (Bản thảo ban đầu đã được trình bày tại hội thảo “Nhân học và An ninh con người” và tên tiếng Anh là “A world of insecurity: Anthropological perspectives on human security”, Vrije Universitei Amsterdam, 2005), sau đó được đăng trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Nhân học Quốc tế về Việt Nam tại Bình Châu* do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học (Toronto) Canada tổ chức từ ngày 15 -18/12/2007.
- 18 Vũ Hồng Thuật (2016), “Làm lính có công, làm đồng có phép”: Câu chuyện tạo lập quyền lực về phép thuật trong tín ngưỡng thờ Mẫu của các đồng thầy ở Việt Nam”, trong kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Tú Anh (2016), *Quyền lực mềm của người phụ nữ trong văn hóa Đạo Mẫu*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Quốc Bảo (2017), “Đạo Mẫu là gì”, *Tạp chí Thế giới di sản (phiên bản điện tử)*.
3. Ngô Bạch (chủ biên, 2010), *Nghi lễ thờ Mẫu văn hóa và tập tục*, Nxb. Thời đại, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Trần Mạnh Cường (1999), *Nhận xét đặc điểm biến đổi ý thức của trạng thái lên đồng ở các lễ hội vùng Nam Định*, Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Tâm thần học, Trường Đại học Y Hà Nội.
5. Nguyễn Kim Hiền (2004), “Lên đồng ở Việt Nam một sinh hoạt văn hóa tâm linh mang tính trị liệu”, in trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Hiền (2010), “Bệnh âm: chuẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt”, in trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Vũ Ngọc Khánh (2008), *Tục thờ Đức Mẫu Liễu - Đức Thánh Trần*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Hồng Nga (2019), *Khả năng đặc biệt của thanh đồng Đạo Mẫu và tác động tới cộng đồng*” in trong *Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người 20 năm hoạt động khoa học và triển khai ứng dụng (1998- 2018)*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
10. Oscar Salemink (2007). “Tìm kiếm sự an toàn tinh thần trong xã hội Việt Nam đương đại”, Báo cáo tham luận hội thảo khoa học tại Bình Châu - Vũng Tàu.
11. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 1992), *Hát văn*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

12. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 1996), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2004), *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Ngô Đức Thịnh (2010, 2012), *Đạo Mẫu ở Việt Nam tập 1 và tập 2*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
16. Nguyễn Hữu Thông (chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Miền trung Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
17. Nguyễn Hữu Thụ (2013), *Khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
18. Vũ Hồng Thuật (2016), “*Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu)*”, in trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Abstract

RESULTS OF RESEARCH ON THE PRACTICES OF MOTHER GODDESSES- THREE AND FOUR PALACES BELIEF IN THE RED RIVER DELTA

Do Duy Hung

Institute of Religious Studies, VASS

This article analyzes the research on the practices of worshipping the Mother Goddesses of the Three and Four Palaces of the Vietnamese from the perspective of Culturology, Religious Studies, Gender, Psychotherapy through the performance of votive dance. Besides, the author also shows new approaches for further research in the coming years through research on the structure and organization of activities of centers and clubs that have been practicing the Mother Goddesses belief of the Three and Four Palaces after the recognition of UNESCO as an Intangible Cultural Heritage of Humanity on December 1, 2016.

Keywords: Belief; Mother Goddesses; Red River Delta.